

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG
TRƯỜNG TIỂU HỌC KIM ĐỒNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẮK NÔNG - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG
TRƯỜNG TIỂU HỌC KIM ĐỒNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Lê Hồng Sơn	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Nguyễn Thị Hoa	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Mạnh Hùng	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Đinh Thị Mai	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
5	Phạm Minh Bắc	Chủ tịch BCH công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
6	Nguyễn Thị Thu	Bí thư Đoàn thanh niên	Ủy viên Hội đồng	
7	Hoàng Anh Tuấn	Y tế - Tổ trưởng tổ Văn phòng	Ủy viên Hội đồng	
8	Trần Thị Xuyến	Tổ khối trưởng khối 1	Ủy viên Hội đồng	

9	Ngô Thị Bích Thảo	Tổ khối trưởng khối 2	Ủy viên Hội đồng	
10	Bùi Thị Thu Hương	Tổ khối trưởng khối 3	Ủy viên Hội đồng	
11	Nguyễn Thị Hân	Tổ khối trưởng khối 4	Ủy viên Hội đồng	
12	Hoàng Dũng	Tổ khối trưởng khối 5	Ủy viên Hội đồng	
13	Lương Thị Thuỳ Hương	Tổ phó tổ khối 1	Ủy viên Hội đồng	
14	Dương Thị Thu Cúc	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
15	Vũ Thị Ninh	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
16	Lê Thị Thanh	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
17	Phạm Thị Quốc	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
18	Lê Ngọc Vũ	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
19	Đỗ Phú Đa	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
20	Khuong Thị Mỹ	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
21	Phạm Như Hiệp	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
22	Lê Thị Thu Hằng	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
23	Triệu Thị Dung	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
24	Nguyễn Thị Thuý Mận	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	

25	Nguyễn Thị Bình	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
26	Mai Văn Dũng	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
27	Tổng Thị Giang	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
28	Võ Thị Liên	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
29	Nguyễn Thị Hằng	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
30	Dương Văn Tú	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
31	Nguyễn Thị Khương	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
32	Lưu Thị Ly	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
33	Hoàng Văn Luyện	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
34	Nguyễn Thị Nhân	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
35	Nguyễn Thị Ngân	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
36	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
37	Nguyễn Thị Hoa	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
38	Phạm Thị Thanh Hoài	Kế toán	Ủy viên Hội đồng	
39	Nguyễn Thị Diệu Huyền	Thư viện	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	15
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	17
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	17
Tiêu chuẩn 1	17
Mở đầu	17
Tiêu chí 1.1	17
Tiêu chí 1.2	18
Tiêu chí 1.3	19
Tiêu chí 1.4	21
Tiêu chí 1.5	22
Tiêu chí 1.6	23
Tiêu chí 1.7	24
Tiêu chí 1.8	25
Tiêu chí 1.9	26
Tiêu chí 1.10	27
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	28
Tiêu chuẩn 2	29

Mở đầu	29
Tiêu chí 2.1	29
Tiêu chí 2.2	30
Tiêu chí 2.3	31
Tiêu chí 2.4	33
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	34
Tiêu chuẩn 3	34
Mở đầu	34
Tiêu chí 3.1	34
Tiêu chí 3.2	35
Tiêu chí 3.3	38
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	39
Tiêu chuẩn 4	34
Mở đầu	39
Tiêu chí 4.1	39
Tiêu chí 4.2	41
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	42
Tiêu chuẩn 5	42
Mở đầu	42
Tiêu chí 5.1	42
Tiêu chí 5.2	43
Tiêu chí 5.3	45
Tiêu chí 5.4	46
Tiêu chí 5.5	47
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	48

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	48
Tiêu chí 1	48
Tiêu chí 2	49
Tiêu chí 3	49
Tiêu chí 4	49
Tiêu chí 5	49
Tiêu chí 6	27
Tiêu chí 7	27
<i>Kết luận</i>	50
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	50
Phần IV. PHỤ LỤC	51

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	✓	Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 1 hoặc 2.
2	ANTT	An ninh trật tự
3	ATGT	An toàn giao thông
4	BC	Báo cáo
5	BCH	Ban chấp hành
6	BĐDCMHS	Ban đại diện cha mẹ học sinh
7	BGH	Ban giám hiệu
8	CB	Cán bộ
9	CĐCS	Công đoàn cơ sở
10	CM	Chuyên môn
11	CNTT	Công nghệ thông tin
12	CTCĐ	Chủ tịch công đoàn
13	CTĐ	Chữ thập đỏ
14	đ/c	Đồng chí
15	ĐTN	Đoàn thanh niên
16	GVBM	Giáo viên bộ môn
17	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
18	GVDG	Giáo viên dạy giỏi
19	HĐNGLL	Hoạt động ngoài giờ lên lớp
20	HK II	Học kỳ 2
21	HKI	Học kỳ 1
22	HSG	Học sinh giỏi
23	HT	Hiệu trưởng

24	NV	Nhân viên
25	PHT	Phó hiệu trưởng
26	QCDC	Quy chế dân chủ
27	QĐ	Quyết định

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	✓	✓
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	✓	✓
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	

Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	✓
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	
Tiêu chí 7		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TIỂU HỌC KIM ĐỒNG

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	ĐẮK NÔNG
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Đắk Song
Xã / phường/thị trấn	Xã Thuận Hạnh
Đạt CQG	Đạt mức 1
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2003
Công lập	✓
Tư thực	
Trường chuyên biệt	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên hiệu trưởng	Lê Hồng Sơn
Điện thoại	02613501226
Fax	
Website	
Số điểm trường	02
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025
Khối lớp 1	4	5	5	4	4
Khối lớp 2	5	4	5	5	4
Khối lớp 3	6	4	4	5	5
Khối lớp 4	5	5	4	4	5

Khối lớp 5	5	4	4	4	4
Cộng	25	22	22	22	22

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	36	36	36	36	29	
1	Phòng học	30	30	30	30	22	
a	Phòng kiên cố	20	20	20	20	12	
b	Phòng bán kiên cố	10	10	10	10	10	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	3	3	3	3	3	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
b	Phòng bán kiên cố	3	3	3	3	3	

c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khôi phục vụ học tập	4	4	4	4	4	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
b	Phòng bán kiên cố	4	4	4	4	4	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính- quản trị	6	6	6	6	6	
1	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
2	Phòng bán kiên cố	6	6	6	6	6	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	3	3	3	3	3	

	Cộng	10	10	10	10	10	
--	-------------	----	----	----	----	----	--

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	2	1	0	0	2	0	
Giáo viên	33	25	0	2	31	0	
Nhân viên	3	2	0	0	3	0	
Cộng	39	28	0	2	37	0	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

T T	Số liệu	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Năm học 2024 - 2025
1	Tổng số giáo viên	37	35	33	32	33
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1.44	1.54	1.45	1.40	1.45
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.057	0.050	0.047	0.046	0.047
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	6	6	4	3	4

5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	1	1	3	0	1
6	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	645	692	701	685	691	
	- Nữ	294	308	310	312	333	
	- Dân tộc	16	9	31	35	32	
	- Khối lớp 1	141	157	146	146	130	
	- Khối lớp 2	125	142	144	131	142	
	- Khối lớp 3	151	126	139	140	137	
	- Khối lớp 4	121	148	125	138	139	
	- Khối lớp 5	107	119	147	130	143	
2	Tổng số tuyển mới	138	151	142	146	123	
3	Học 2 buổi/ngà y	422	416	701	685	691	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	25.8	31.45	31.86	31.13	31.4	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%	100%	
	- Nữ	100%	100%	100%	100%	100%	
	- Dân tộc thiểu số	100%	100%	100%	100%	100%	

8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	0	0	0	0	0	
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	8	8	7	7	9	
	- Nữ	2	3	3	1	2	
	- Dân tộc thiểu số	1	1	1	6	5	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 – 2025	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	95,5%	96,7%	96,4%	96,6%	96,1%	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	97,5%	97,5%	99%	99%	99,3%	
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	94,3%	93,9%	95,3%	94,6%	92,3%	

Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%	100%	
---	------	------	------	------	------	--

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường tiểu học Kim Đồng thuộc địa bàn thôn Thuận Hải, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông được thành lập từ năm 2003, theo Quyết định số 406/QĐ-UBND, ngày 26/5/2003 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song. Qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, được sự quan tâm của các cấp quản lý, sự nỗ lực của tập thể hội đồng sư phạm, trường tiểu học Kim Đồng luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Cơ cấu tổ chức của nhà trường đầy đủ: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, hội và các chi hội cha mẹ học sinh...

Tới năm học 2024 - 2025, toàn trường có 39 cán bộ, giáo viên, nhân viên khá đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ; 22 lớp/691 học sinh, học sinh dân tộc 32/691 học sinh, chiếm tỉ lệ 4.63%. Nhà trường luôn tham gia đầy đủ, hiệu quả các hội thi của giáo viên, hội giao lưu cho học sinh do các cấp tổ chức. Hằng năm, 100% viên chức được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó hơn 80% viên chức được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Về cơ sở vật chất: Trường có 02 điểm trường, tổng diện tích đất 7.460 m² (bình quân 10.80 m²/học sinh). Khối phòng hành chính quản trị có: 01 phòng Hiệu trưởng; 01 phòng Phó Hiệu trưởng; 01 Văn phòng kết hợp phòng họp; 01 phòng bảo vệ; khu vệ sinh cán bộ, giáo viên, nhân viên; khu để xe giáo viên.

Khối phòng học có 22 phòng học, trong đó: kiên cố 12 phòng, bán kiên cố 10 phòng. Khối phòng học bộ môn có 03 phòng: 01 phòng Tin học; 01 phòng Nghệ thuật; 01 phòng Ngoại ngữ. Khối phòng hỗ trợ học tập có: 01 phòng thư viện; 01 phòng Thiết bị; 01 phòng Tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hoà nhập; 01 phòng Truyền thống kết hợp phòng Đội Thiếu niên. Khối phụ trợ có: 01 phòng họp; 01 phòng Y tế trường học kết hợp với phòng Tư vấn học đường, nhà kho, nhà để xe học sinh, khu vệ sinh học sinh. Khu sân chơi, thể dục thể thao bằng phẳng, có cây xanh bóng mát, sân tập thể thao an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh; hạ tầng kỹ thuật: cấp nước sạch, cấp điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hạ tầng CNTT, thu gom rác thải đảm bảo quy định.

Với thực trạng trên, nhà trường có một số thuận lợi và khó khăn cơ bản như sau:

*** Thuận lợi:**

- Nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo kịp thời của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, của ngành Giáo dục và Đào tạo; sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể; Ban đại diện cha mẹ học sinh...

- Đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực đáp ứng nhiệm vụ quản lý và dạy học trong giai đoạn hiện nay; có khả năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch phù hợp với thực tiễn nhà trường.

- Điều kiện chính trị - xã hội tại địa phương luôn ổn định, đời sống của đại bộ phận gia đình phụ huynh đảm bảo, sự quan tâm của phụ huynh tới việc học tập, giáo dục của con em ngày một sát sao.

- Cơ sở vật chất ngày càng khang trang, sạch đẹp, đáp ứng với yêu cầu dạy học hiện nay.

*** Khó khăn:**

- Một số năng lực quản lý, năng lực dạy học còn chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới quản lý, đổi mới dạy học theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất người học.

- Giá cả các mặt hàng nông sản vốn là thế mạnh của địa phương những năm gần đây bấp bênh, không ổn định, ảnh hưởng tiêu cực tới đời sống kinh tế của địa phương; Một bộ phận phụ huynh điều kiện kinh tế còn khó khăn, phương pháp quản lý và giáo dục học sinh tại gia đình chưa hiệu quả.

- Cơ sở vật chất chưa đáp ứng với dự báo phát triển trường, lớp học trong những năm tiếp theo; thiếu các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại.

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 11/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 hợp nhất Thông tư quy định kiểm định chất lượng giáo dục trường tiểu học, trường tiểu học Kim Đồng tổ chức tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

2. Mục đích TĐG

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 11/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hợp nhất Thông tư quy định kiểm định chất lượng giáo dục trường tiểu học, nhà trường tiến hành tự kiểm tra, đánh giá nhằm xác định thực trạng các tiêu chuẩn, tiêu chí về: Tổ chức, quản lý nhà trường; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh; cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục; từ đó đề ra các giải pháp pháp bổ sung, tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục; giải trình với cấp có thẩm quyền để được đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học và giáo dục học sinh; đáp ứng tiêu chí trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 - chuẩn quốc gia mức độ 1; đề nghị cấp có thẩm quyền tổ chức đánh giá ngoài, công nhận trường tiểu học Kim Đồng đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 - Chuẩn quốc gia mức độ 1 trong năm 2025.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Để hoàn thành tốt công tác tự đánh giá, nhà trường đã thực hiện kịp thời, hiệu quả những chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cấp ủy; tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của các bên liên quan: Chính quyền và các tổ chức đoàn thể xã Thuận Hạnh như: Đoàn thanh niên, Hội đồng đội... các đoàn thể trong nhà trường như: Công đoàn cơ sở, Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Ban đại diện cha mẹ học sinh...

Căn cứ Điều 24 - Thông tư số 11/2024/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Hiệu trưởng thành lập Hội đồng tự đánh giá có thành viên là những viên chức giữ vị trí chủ chốt: Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên; Tổng phụ trách Đội; Nhân viên thư viện - văn thư; nhân viên kế toán; Tổ khối trưởng, Tổ khối phó và những giáo viên cốt cán của đơn vị.

Hội đồng tự đánh giá hợp phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; lập kế hoạch tự đánh giá; tiến hành tự đánh giá theo kế hoạch: Xác lập minh chứng; thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng; thiết lập hồ sơ, lưu hồ sơ minh chứng.

Sau khi hoàn thành tự đánh giá, nhà trường xây dựng và công bố báo cáo tự đánh giá, đồng thời gửi báo cáo về Phòng Giáo dục và Đào tạo xem xét, cho ý kiến chỉ đạo về việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Nhà trường đã có hệ thống các quy định, quy chế nhằm thể chế hoá các tổ chức và hoạt động của mình. Cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với điều kiện thực tế.

Quyền hạn và trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo các cấp và của cán bộ viên chức được phân định rõ ràng, công khai. Nhà trường đã làm tốt công tác xây dựng kế hoạch chiến lược và quy hoạch dài hạn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của ngành và địa phương, đáp ứng nhu cầu phát triển của nhà trường.

Các tổ chức đảng và các đoàn thể: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội và Ban đại diện cha mẹ học sinh trường hoạt động theo điều lệ và đạt kết quả cao, góp phần quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển nhà trường. Quá trình xây dựng và phát triển nhà trường luôn thực hiện tốt quy chế dân chủ.

Việc kiểm tra giám sát các quy định, quy chế, quyền hạn trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân thực hiện thường xuyên.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển trường tiểu học Kim Đồng giai đoạn 2020 - 2025 và xây dựng phát triển chiến lược 2025 - 2030. Chiến lược phù hợp mục tiêu giáo dục tiểu học được quy định tại Luật Giáo dục (2019), phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và tình hình cơ sở vật chất, tài chính của nhà trường [H1-1.1-01].

Chiến lược được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt [H1-1.1-01].

Chiến lược được niêm yết công khai tại nhà trường, trong cuộc họp công bố nội dung chiến lược và đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường.[H1-1.1-02]

Mức 2:

Nhà trường đã và đang triển khai các hoạt động giám sát việc thực hiện nội dung, nhiệm vụ chiến lược theo mốc thời gian dự kiến hoàn thành đã được xác định trong chiến lược, dự kiến giám sát theo học kỳ và vào cuối mỗi năm học. [H1-1.1-02]

Mức 3:

Nhà trường chưa kịp thời tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển đảm bảo yêu cầu có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng. [H1-1.1-03], [H1-1.1-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chiến lược phát triển trường tiểu học phù hợp với mục tiêu giáo dục và thực tế địa phương. Chiến lược đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã và đang được triển khai thực hiện, bước đầu mang lại hiệu quả, đảm bảo tính thực tiễn.

3. Điểm yếu

Chiến lược phát triển trường tiểu học Kim Đồng được ban hành, tuy nhiên việc tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh định kỳ theo từng năm chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cần thực hiện công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong chiến lược kịp thời phù hợp với tình hình thực tiễn theo từng năm học sẽ được thực hiện vào đầu các năm học, có sự giám sát của các bên liên quan. Hoạt động rà soát, điều chỉnh, bổ sung sẽ được lập thành văn bản.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác****Mức 1:**

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường tiểu học Kim Đồng được kiện toàn theo Quyết định số 469/QĐ-PGDĐT, ngày 21/10/2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song [H1-1.2-01]. Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập vào đầu các năm học [H1-1.2-03].

Hội đồng trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 10, Điều lệ trường tiểu học.

Cuối kỳ I và cuối các năm học, Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng tổ chức rà soát, đánh giá định kỳ các hoạt động và đề ra phương hướng thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn tiếp theo [H1-1.2-04].

Mức 2:

Thành viên trong các hội đồng luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, phối hợp hoạt động đồng bộ, kịp thời có ý kiến đề xuất, góp ý phù hợp cho hoạt động của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng đội ngũ trong nhà trường [H1-1.2-02].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác đảm bảo cơ cấu và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, đóng góp hiệu quả cho hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trong một số nhiệm vụ tư vấn như: Đổi mới công tác quản lý, giải đáp về một số chế độ chính sách mới cho người lao động... năng lực tư vấn của thành viên chưa đáp ứng hết yêu cầu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục nghiên cứu và triển khai các giải pháp nhằm nâng cao năng lực tư vấn cho các thành viên: Lựa chọn các nội dung bồi dưỡng thường xuyên thiết thực, phù hợp; tổ chức các hình thức bồi dưỡng theo hướng tự nghiên cứu - thảo luận - thống nhất; áp dụng các cơ chế đánh giá, khen thưởng, biểu dương kịp thời cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ tư vấn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Nhà trường có các cơ cấu tổ chức theo quy định: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1.3-01] [H1-1.3-02] [H1-1.3-03].

Các đoàn thể: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục. [H1-1.3-04]

Cuối mỗi năm học, hết nhiệm kỳ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên đều tổ chức đánh giá, rà soát hoạt động của năm học, nhiệm kỳ và đề ra phương hướng hoạt động cho năm học, cho giai đoạn, nhiệm kỳ tiếp theo [H1-1.3-05].

Mức 2:

Chi bộ trường tiểu học Kim Đồng có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 04 năm chi bộ trường tiểu học Kim Đồng được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, 01 năm đánh giá hoàn thành nhiệm vụ [H1-1.3-06], [H1-1.3-07]

Các đoàn thể, tổ chức khác như: Hội, chi hội cha mẹ học sinh; Chi hội khuyến học... trong những năm qua luôn có sự phối hợp nhịp nhàng với nhà trường, đóng góp tích cực cho các hoạt động nhà trường [H1-1.3-04].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 04 năm chi bộ trường tiểu học Kim Đồng được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, 01 năm đánh giá hoàn thành nhiệm vụ. [H1-1.3-06]

Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường trong các năm qua đều có đóng góp hiệu quả cho các hoạt động trong nhà trường và cộng đồng [H1-1.3-08].

2. Điểm mạnh

Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường phối hợp, hoạt động hiệu quả. Chi bộ trường tiểu học Kim Đồng 04 năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, 01 năm đánh giá hoàn thành nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Hình thức tổ chức một số hoạt động phong trào của công đoàn chưa phong phú; Hoạt động giáo dục truyền thống cho Đội viên, Nhi đồng trong công tác đội chưa đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tăng cường biện pháp tham mưu Chi bộ chỉ đạo Công đoàn nghiên cứu đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động phong trào của công đoàn, đưa vào nghị quyết

hoạt động để thực hiện; chỉ đạo Tổng phụ trách nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động công tác Đội, đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục truyền thống nhằm thu hút Đội viên, Nhi đồng tham gia để được giáo dục và rèn luyện những năng lực, phẩm chất cần thiết.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng. Số lượng quản lý theo đúng quy định [H1-1.4-01].

Nhà trường có 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng được thành lập theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư 28/2020/TT- BGDDT, Điều lệ trường tiểu học, ngày 04 tháng 9 năm 2020) [H1-1.4-02] [H1-1.4-03]

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.[H1-1.4-04]

Mức 2:

Hàng năm, mỗi tổ chuyên môn đề xuất từ 01 đến 02 chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H1-1.4-05]

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng thường xuyên được triển khai, rà soát, đánh giá, điều chỉnh định kỳ theo tháng, học kỳ và theo năm học [H1-1.4-04]

Mức 3:

Hoạt động của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đã đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động trong nhà trường. [H1-1.4-05].

Các tổ chuyên môn xây dựng từ 01 đến 02 chuyên đề/năm. Có nhiều chuyên đề mang lại hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ cán bộ quản lý và các tổ khối chuyên môn, tổ văn phòng. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện sinh hoạt tổ theo quy định, có hiệu quả.

3. Điểm yếu

Một số cuộc sinh hoạt chuyên đề hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng được với yêu cầu đổi mới dạy học trong giai đoạn hiện nay.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đầu mỗi năm học, nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng và triển khai kế hoạch sinh hoạt chuyên đề xuyên suốt của năm học, trong đó ưu tiên nghiên cứu, lựa chọn nội dung sinh hoạt đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học giai đoạn hiện nay: Dạy học phát huy năng lực, phẩm chất người học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ các khối lớp học từ khối 1 đến khối 5 [H1-1.5-01].

Học sinh được tổ chức theo lớp học. Năm học 2024- 2025 toàn trường có 22 lớp/691 học sinh. Mỗi lớp có 01 Ban cán sự lớp. Ban sự lớp gồm có lớp trưởng, các tổ trưởng, các tổ phó các tổ [H1-1.5-02].

Vào đầu năm học, giáo viên chủ nhiệm tổ chức học sinh của lớp bầu Ban cán sự của lớp mình, xây dựng nội dung hoạt động, phân công nhiệm vụ cho thành viên trong Ban có sự hướng dẫn, hỗ trợ của giáo viên. Ban cán sự lớp hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. [H1-1.5-02], [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối lớp học. Biên chế lớp, học sinh đúng quy định. Mỗi lớp học thành lập 01 Ban cán sự lớp hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Lớp học được tổ chức linh hoạt, phù hợp với nội dung, phương thức dạy học và giáo dục.

3. Điểm yếu

Hoạt động của một số Ban cán sự chưa đi vào chiều sâu, chưa phát huy hết vai trò tự quản, dân chủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo các tổ chuyên môn lựa chọn nội dung "Phát huy vai trò tự quản của Ban cán sự trong lớp học" là một nội dung sinh hoạt chuyên môn, chỉ đạo giáo viên nghiên cứu, có phương thức hỗ trợ cụ thể, chi tiết, hiệu quả hoạt động của Ban cán sự tại lớp chủ nhiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường lưu trữ đủ các loại hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục theo hướng dẫn tại Khoản 1 - Điều 21 - Điều lệ trường tiểu học và theo quy định tại Luật Lưu trữ như: Sổ đăng bộ; sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh; học bạ [H1-1.6-01]; sổ nghị quyết; hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-02]; sổ khen thưởng; sổ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.6-03]; sổ quản lý các văn bản, sổ đăng ký công văn đi, sổ đăng ký công văn đến [H1-1.6-04], phần mềm quản lý hành chính [H1-1.6-02].

Nhà trường thực hiện đầy đủ, đúng quy định việc lập dự toán, thu chi ngân sách, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất [H1-1.6-03], [H1-1.6-05], [H1-1.6-02]. Các hoạt động thu, chi được thực hiện đúng quy chế chi tiêu nội bộ và được công khai tại các cuộc họp hội đồng và được niêm yết tại bảng thông báo công khai nhà trường. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-05].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, công tác thu - chi tài chính đúng mục đích, tài sản được sử dụng hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. [H1-1.6-03] [H1-1.6-02] [H1-1.6-05] [H1-1.6-06]

Mức 2:

Nhà trường Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường bằng các phần mềm: EPMIS, IMAS, CSDL, email: c1kimdongds@gmail.com [H1-1.6-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch dài hạn (chiến lược phát triển nhà trường), ngắn hạn (kế hoạch huy động nguồn tài trợ, viện trợ) để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.6-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường lưu trữ đủ hồ sơ theo quy định; thực hiện đúng quy định về lập dự toán thu chi ngân sách; quản lý và sử dụng tài sản, tài chính đúng mục đích; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính; trong 5 năm tới thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm về quản lý hành chính.

3. Điểm yếu

Công tác lưu trữ và sắp xếp một số hồ sơ của bộ phận hành chính còn chưa thật khoa học. Công tác tự kiểm tra tài sản theo quy định đôi khi còn chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục nghiên cứu các giải pháp nhằm nâng cao năng lực quản trị CNTT "Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính". Thường xuyên kiểm tra đôn đốc theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.7-01], [H1-1.7-02].

Nhà trường phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý; đảm bảo hiệu quả các hoạt động [H1-1.7-03].

Quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Nhà trường triển khai các biện pháp nhằm phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục: Xây dựng và triển khai kế hoạch BDTX [H1-1.7-01], kế hoạch kiểm tra nội bộ [H1-1.7-04], công khai, minh bạch hoạt động đánh giá, xếp loại công chức, viên chức; khen thưởng, kỷ luật kịp thời.

2. Điểm mạnh

Nhà trường triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm nâng cao và phát huy năng lực cho đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên; phân công, sử dụng quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý; quyền lợi của công chức, viên chức được đảm bảo.

3. Điểm yếu

Trong một số nhiệm vụ, năng lực của một số vị trí việc làm chưa đáp ứng tốt yêu cầu công việc như: năng lực soạn thảo văn bản; năng lực huy động tối đa nguồn lực; năng lực tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất học sinh,...

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục triển khai đồng bộ các biện pháp đã nêu; cụ thể hóa nhiệm vụ BDTX cho mỗi cá nhân; tiếp tục nghiên cứu, soạn thảo văn bản theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư; Xây dựng các kế hoạch cụ thể để làm cơ sở huy động tối đa các nguồn lực vật chất, tinh thần, sức lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nhà trường,... thực hiện nghiêm túc quy trình kiểm tra - đánh giá - tư vấn - thúc đẩy...

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.1-03].

Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung theo kế hoạch giáo dục.

Các kế hoạch giáo dục được nhà trường rà soát, đánh giá và đề ra phương hướng điều chỉnh phù hợp, kịp thời. [H1-1.1-02].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. [H1-1.8-01].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục được xây dựng đúng quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; nhà trường thực hiện đầy đủ những nội dung đã đề ra trong kế hoạch; rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời nội dung theo từng thời điểm; các biện pháp của nhà trường đối với hoạt động giáo dục được cấp có thẩm quyền đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Một số nội dung trong kế hoạch giáo dục có đánh giá đạt hiệu quả chưa cao: Tổ chức các hoạt động NGLL theo hướng trải nghiệm; đổi mới công tác quản lý; công tác truyền thông về giáo dục tiểu học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nghiêm túc triển khai kịp thời, hiệu quả các văn bản chỉ đạo của các cấp; tiếp tục nghiên cứu, học hỏi các mô hình hoạt động trải nghiệm, các phương thức tổ chức quản lý và truyền thông thành công, đã được các cấp ghi nhận và đánh giá cao ở một số đơn vị trong và ngoài huyện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường thông qua các cuộc họp, đại hội, hội nghị; việc tham gia được quy định cụ thể trong Quy chế dân chủ của nhà trường. [H1-1.9-01], [H1-1.9-04], [H1-1.9-05].

Trong những năm qua nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về những vấn đề liên quan đến hoạt động của nhà trường [H1-1.9-02].

Hằng năm nhà trường có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở thông qua trong Hội nghị CNVC đầu năm của nhà trường [H1-1.9-01].

Mức 2:

Hàng năm, Ban thanh tra nhân dân xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường [H1-1.9-03]. Định kì có báo cáo kết quả kiểm tra giám sát [H1-1.9-02]

2. Điểm mạnh

Cán bộ, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng các kế hoạch, nội quy, quy chế... liên quan đến hoạt động của nhà trường; trong những năm qua, nhà trường không có đơn thư khiếu nại; việc kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ đảm bảo.

3. Điểm yếu

Chất lượng của một số ý kiến khi tham gia thảo luận, xây dựng các kế hoạch, nội quy, quy chế... chưa cao, bao hàm tính chủ quan, thiếu căn cứ pháp lý.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trước mỗi cuộc thảo luận, nhà trường có thông báo nội dung cần bàn bạc, quyết định; đưa ra các căn cứ pháp lý để các cá nhân nghiên cứu trước; tuyệt đối tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ trong thảo luận và xây dựng các kế hoạch, quy chế, nội quy...

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường luôn đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng,

chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích. [H1-1.10-01], [H1-1.10-02].

Nhà trường có hộp thư góp ý [H1-1.10-03], đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. [H1-1.10-04].

Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

Mức 2:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được nghe phổ biến vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường thông qua các buổi sinh hoạt ngoại khóa, chào cờ, sinh hoạt Đội. [H1-1.10-01], [H1-1.10-05], [H1-1.10-02].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả; tới thời điểm hiện tại chưa phát hiện các hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh, trật tự trong nhà trường.

2. Điểm mạnh

Theo quy định của pháp luật, nhà trường luôn đảm bảo an ninh trật tự, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng, chống cháy, nổ,... không xảy ra hiện tượng bạo lực học đường, mất an ninh trật tự trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Chưa xây dựng hệ thống tường chắn ngăn cách giữa khuôn viên nhà trường với khu đất đồi cao để đề phòng nguy cơ sạt lở.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường xây dựng kế hoạch tham mưu cấp có thẩm quyền xây dựng tường rào đề phòng sạt lở đất trong năm 2020.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường xây dựng chiến lược phù hợp, được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các Hội đồng đủ cơ cấu và hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ. Các tổ chức đoàn thể phối hợp hiệu quả; trường có đủ cơ cấu về quản lý, tổ chuyên môn; biên chế lớp học, học sinh đúng quy định; lưu trữ đầy đủ hồ sơ; hồ sơ thu chi đảm bảo; quyền và lợi ích hợp pháp của quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo; kế hoạch giáo dục được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục, có sự tham gia của các bên liên quan; an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo.

Chiến lược chưa đủ thời gian để triển khai hoạt động rà soát, bổ sung, điều chỉnh định kỳ; năng lực tư vấn của một số thành viên chưa đáp ứng yêu cầu hiện nay; hình thức tổ chức của một số hoạt động trong các tổ chức đoàn thể chưa phong phú; một số nội dung sinh hoạt chuyên đề chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới dạy học giai đoạn hiện nay; năng lực quản trị công nghệ thông tin trong quản lý hành chính còn một số hạn chế; ...

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/10 tiêu chí, chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 10/10 tiêu chí, đạt 100 %
 - Đạt Mức 2: 10/10 tiêu chí, đạt 100 %
 - Đạt Mức 3: 8/10 tiêu chí, đạt 80 % (Trong đó, 2/4 tiêu chí có mức 3, đạt 50 %)

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Trường có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng đều có quá trình trực tiếp giảng dạy từ 20 năm trở lên. Hằng năm, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được đánh giá theo Quy định Chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường tiểu học đạt mức khá trở lên.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học [H2-2.1-01].

Hằng năm, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được đánh giá, xếp loại khá trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học. [H2-2.1-02], [H2-2.1-03]

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. [H2-2.1-01], [H2-2.1-04].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt từ khá trở lên theo Quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường tiểu học. [H2-2.1-02]

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đã được đào tạo, có bằng trung cấp lý luận chính trị, H2-2.1-01]; được giáo viên, nhân viên nhà trường tín nhiệm. [H2-2.1-02]

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường đạt chuẩn ở mức khá trở lên, trong đó có 04 năm được đánh giá ở mức tốt theo quy định Chuẩn Hiệu trưởng [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đủ số lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường tiểu học; hàng năm được tham gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, học tập các nghị quyết của Đảng, đường lối, chính sách mới của nhà nước.

3. Điểm yếu

Năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh của cán bộ quản lý còn hạn chế. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và chỉ đạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì các kết quả đã đạt được. Không ngừng tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí thời gian cho công tác tự học, tự bồi dưỡng tiếng Anh: Tự học trên băng đĩa CD, học trực tuyến trên mạng Internet; đăng ký tham gia khóa học tại Trung tâm đào tạo tiếng Anh vào dịp hè; tăng cường dự giờ Tiếng Anh để trau dồi thêm kiến thức.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn

nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tổng số giáo viên trong biên chế của nhà trường là 33 người. Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập. Có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. [H2-2.2-01], [H2-2.2-02].

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đạt 93,9% so với quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ Quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Trong đó 01 giáo viên trình độ Trung cấp sư phạm còn không đủ 08 năm công tác tính từ ngày 01/7/2020, không phải thực hiện nâng trình độ, 01 giáo viên Trung cấp sư phạm còn trên 08 năm công tác đang tham gia đào tạo nâng chuẩn theo kế hoạch. [H2-2.1-01].

100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định .

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có trên 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó trên 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. [H2-2.2-03].

2. Điểm mạnh

Đảm bảo đủ số lượng giáo viên theo quy định, tỉ lệ 1,45 giáo viên/lớp; có 93,9% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo. 100% đạt chuẩn nghề nghiệp mức khá trở lên; nhà trường không có giáo viên bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu

Hiện tại nhà trường còn 02 giáo viên có trình độ Trung cấp Sư phạm theo Luật Giáo dục 2019.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình đào tạo trình độ đạt chuẩn cho 02 giáo viên có trình độ Trung cấp Sư phạm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Số lượng nhân viên và cơ cấu nhân viên của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định: 01 nhân viên kế toán kiêm công tác văn thư, 01 nhân viên y tế - thủ quỹ, 01 nhân viên Thư viện - Thiết bị; 01 giáo viên Tin học kiêm công nghệ thông tin.

Nhà trường phân công nhân viên phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tế của mỗi người [H1-1.7-03].

Đội ngũ nhân viên nhà trường luôn tích cực trong công tác, chịu khó học hỏi, tích lũy kinh nghiệm, chủ động trong công việc và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hằng năm, tất cả nhân viên đều được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên .

Mức 2:

Số lượng nhân viên và cơ cấu nhân viên của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Thông tư 20/2023-TT-BGDĐT, ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT, hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật.

Mức 3:

Nhân viên kế toán, y tế, thư viện có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm [H2-2.1-01]. Nhân viên bảo vệ chưa được đào tạo về nghiệp vụ được giao.

Hằng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công. .

2. Điểm mạnh

Có đủ nhân viên theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập; có trình độ chuyên ngành phù hợp, đáp ứng được yêu cầu vị trí việc làm. Việc phân công, sử dụng nhân viên đúng quy định và năng lực sở trường; 100% nhân viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Nhân viên bảo vệ chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường có kế hoạch tham mưu cấp quản lý mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho bảo vệ các đơn vị, tạo điều kiện cho bảo vệ của nhà trường tham gia bồi dưỡng theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định.
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

100% học sinh trong nhà trường đảm bảo về tuổi của học sinh tiểu học theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học .

Học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học .

Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; Luật Trẻ em.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được giáo viên nhắc nhở và có biện pháp giáo dục có hiệu quả.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện được tuyên dương khen thưởng trước toàn trường. Việc tuyên dương khen thưởng trước toàn trường có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

2. Điểm mạnh

Học sinh trong nhà trường đảm bảo về độ tuổi; thực hiện đúng các nhiệm vụ; được đảm bảo các quyền của học sinh, quyền trẻ em; được ghi nhận, khen thưởng thành tích trong học tập và rèn luyện.

3. Điểm yếu

Một bộ phận nhỏ học sinh còn có hành vi vi phạm những điều học sinh không được làm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của học sinh theo Điều lệ trường tiểu học và Luật Trẻ em; phát hiện và có các biện pháp phù hợp nhằm giáo dục học sinh có hành vi vi phạm điều học sinh không được làm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định; 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo; học sinh đảm bảo về độ tuổi, được đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người học.

So với quy định về yêu cầu chuẩn trình độ đào tạo quy định tại Luật Giáo dục năm 2019, có 2 giáo viên sẽ không đạt chuẩn trình độ chuyên môn khi Luật có hiệu lực.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/4 tiêu chí, chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 4/4 tiêu chí, đạt 100 %
 - Đạt Mức 2: 4/4 tiêu chí, đạt 100 %
 - Đạt Mức 3: 2/4 tiêu chí, đạt 50 % (Trong đó, 2/4 tiêu chí có mức 3 đạt 50 %)

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Được sự quan tâm của lãnh đạo các cấp; sự ủng hộ của phụ huynh, hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học ngày càng được xây dựng, sửa chữa, mua sắm khang trang, đảm bảo các yêu cầu dạy và học. Phòng học, bàn ghế đủ và đúng quy cách, có bảng chống lóa, hệ thống điện chiếu sáng cho học sinh học tập. Khối phòng hành quản trị chính, phòng học tập, khối phụ trợ, trang thiết bị văn phòng đáp ứng nhu cầu quản lý, dạy và học theo đúng quy định.

Nhà trường thường xuyên thực hiện các biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục hiện có nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học.

Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

- a) Vị trí đặt trường, điểm trường;
- b) Quy mô;

c) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường; diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Vị trí đặt trường, điểm trường đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường tiểu học Kim Đồng gồm có 02 điểm trường: Điểm trường trung tâm đặt ở thôn Thuận Hải và điểm phân hiệu tại thôn Thuận Bình. [H3-3.1-01].

Trường tiểu học Kim Đồng có quy mô đảm bảo đúng quy định, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, giáo dục học sinh.

Tại điểm trường trung tâm tại thôn Thuận Hải gồm khối phòng hành chính quản trị có: 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó Hiệu trưởng được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành. Có văn phòng, phòng bảo vệ, khu vệ sinh, khu để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên... khối phòng học tập có 17 phòng học, trong đó: 12 phòng học kiên cố, 05 phòng học bán kiên cố; 03 phòng học bộ môn, có đầy đủ khối phòng hỗ trợ học tập, thư viện, khối phụ trợ, khu sân chơi thể dục thể thao. Điểm trường phân hiệu thôn Thuận Bình khối phòng học tập có 05 phòng học bán kiên cố; 01 phòng Tin học, khu vệ sinh của giáo viên, học sinh, khu sân chơi thể dục thể thao ... [H3-3.1-02]

Về diện tích khuôn viên trường, tại điểm trường trung tâm tại thôn Thuận Hải có diện tích 5490 m² trong đó tổng diện tích sàn xây dựng 1100 m²; điểm trường thôn Thuận Bình có diện tích đất 1970 m², với tổng diện tích sàn đã xây dựng 250 m².

Cả hai điểm trường đều xanh, sạch, đẹp, thoáng mát, an toàn để tổ chức các hoạt động học tập và giáo dục học sinh. [H3-3.1-03]

2. Điểm mạnh

Khuôn viên trường học xanh, sạch, đẹp, đảm bảo an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục; có cổng trường và hàng rào bao quanh; có khu giáo dục thể chất, sân chơi bãi tập; diện tích khuôn viên đảm bảo theo quy định.

3. Điểm yếu

Đồ chơi và thiết bị vận động còn thiếu, cây bóng mát chưa đủ độ bao phủ; một số hạng mục chưa hoàn thiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển nhà trường trong những năm tiếp theo, hoàn thiện dần đồ chơi và thiết bị vận động, trồng và chăm sóc tốt hệ thống cây xanh; tham mưu hoàn thiện các hạng mục còn thiếu.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình

Mức 1: Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập;
- c) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt.

Mức 2: Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng hỗ trợ học tập;
- c) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt.

Mức 3: Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

- a) Khối phòng hỗ trợ học tập;
- b) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có khối phòng hành chính quản trị đảm bảo quy định: có phòng làm việc riêng của Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng; phòng làm việc có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành. Có 01 văn phòng làm việc đầy đủ thiết bị quy định; phòng bảo vệ bảo đảm, được đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi. Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên bố trí theo khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt. Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên thiết kế có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường. [H3-3.2-01]

Khối phòng học tập của trường gồm 22 lớp, được sắp xếp đúng quy định, bảo đảm mỗi lớp có một phòng học riêng, trong đó điểm trường trung tâm bố trí 17 lớp và điểm phân hiệu 05 lớp.

Trường có 03 phòng học bộ môn đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học: Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học, Công nghệ, Tự nhiên và xã hội, Tin học, Ngoại ngữ, các phòng bộ môn được sắp xếp phù hợp, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học.

Khối phòng hỗ trợ học tập của trường bao gồm: Thư viện bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phòng Thiết bị giáo dục có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường. Trường bố trí phòng Tư vấn học đường kết hợp với phòng Y tế trường học; phòng truyền thông kết hợp với phòng Đội Thiếu niên được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ đảm bảo cho các hoạt động. [H3-3.1-01].

Khối phụ trợ của nhà trường đảm bảo theo quy định, bao gồm: 01 phòng họp sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy; 01 phòng Y tế trường học có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh; có 01 phòng kho bố trí nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường; khu để xe học sinh ở hai điểm trường lắp đặt có mái che, bố trí gần lối ra vào của trường. Khu vệ sinh học sinh tại hai điểm trường được bố trí phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, số lượng thiết bị lắp đặt đối với phòng vệ sinh nam, nữ đảm bảo theo quy định và được đặt ở vị trí thuận tiện cho học sinh sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường. Hệ thống cống, hàng rào khuôn viên của trường xây dựng ngăn cách với bên ngoài bằng tường xây kết hợp rào lưới kẽm B40 bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường cả hai điểm trung tâm và phân hiệu xây dựng kiên cố, vững chắc để gắn cổng với biển tên trường. Khu sân chơi, thể dục thể thao tại điểm trung tâm có 01 nhà giáo dục thể chất hơn 400 m² bảo đảm cho học sinh học tập; sân chơi bãi tập rộng rãi, sạch sẽ, thoáng

mát và đảm bảo an toàn vui chơi, rèn luyện thể dục thể thao cho học sinh, có sân chơi với diện tích 2000 m² được bê tông hoá, bãi tập thể dục khoảng 600 m². Tại điểm phân hiệu có sân chơi với diện tích 1200 m². [H3-3.1-01].

Mức 2:

Diện tích các phòng hành chính quản trị đều đạt tiêu chuẩn theo quy định Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. [H3-3.2-01]

Nhà trường có thư viện đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. [H3-3.3-11].

Nhà trường có một phòng họp được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành, sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy. Phòng Y tế trường học có tủ thuốc và các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh. Có một nhà kho làm nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường. Khu đỗ xe học sinh có mái che; bố trí khu vực đỗ xe cho học sinh gần lối ra vào. Khu vệ sinh học sinh có phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, được đặt ở vị trí thuận tiện cho học sinh sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường. Cổng, hàng rào khuôn viên của trường được ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ, bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường cả hai điểm trung tâm và phân hiệu xây dựng kiên cố, vững chắc để gắn cổng với biển tên trường. Khu sân chơi, thể dục thể thao tại điểm trung tâm có 01 nhà giáo dục thể chất hơn 400 m² bảo đảm cho học sinh học tập; sân chơi bãi tập rộng rãi, sạch sẽ, thoáng mát và đảm bảo an toàn vui chơi, rèn luyện thể dục thể thao cho học sinh, có sân chơi với diện tích 2000 m² được bê tông hoá, bãi tập thể dục khoảng 600 m². Tại điểm phân hiệu có sân chơi với diện tích 1200 m² [H3-3.1-01], [H3-3.1-02], [H3-3.3-01].

Mức 3:

Các phòng học bộ môn: Tin học, Nghệ thuật, Ngoại ngữ riêng biệt [H3-3.1-01].

Khởi phụ trợ của nhà trường đảm bảo theo quy định; khu đỗ xe học sinh ở hai điểm trường lắp đặt có mái che; khu vệ sinh học sinh tại hai điểm trường được bố trí phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, số lượng thiết bị lắp đặt đối với phòng vệ sinh nam, nữ đảm bảo theo quy định và được đặt ở vị trí thuận tiện cho học sinh sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường; hệ thống cổng, hàng rào khuôn viên của trường xây dựng ngăn cách với bên ngoài bằng tường xây kết hợp rào lưới kẽm B40 bảo đảm vững chắc, an toàn; khu sân chơi, thể dục thể thao tại điểm trung tâm có 01 nhà giáo dục thể chất hơn 400 m² bảo đảm cho học sinh học tập; sân chơi bãi tập rộng rãi, sạch sẽ, thoáng mát và đảm bảo an toàn vui chơi, rèn luyện thể dục thể thao cho học sinh, có sân chơi với diện tích 2000 m² được bê tông hoá, bãi tập thể dục khoảng 600 m². Tại điểm phân hiệu có sân chơi với diện tích 1200 m² [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ mỗi lớp 1 phòng học; bàn ghế học sinh, giáo viên, bảng lớp đúng và đủ theo quy định; hệ thống quạt điện, ánh sáng, tủ đựng đồ dùng dạy học đầy đủ.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ các phòng học tập kiên cố đạt 54,5% (trong khi yêu cầu trường chuẩn quốc gia mức độ 1 tỷ lệ các công trình kiên cố không dưới 70%). Các bộ môn Tin học, Nghệ thuật, Ngoại ngữ có phòng học còn thiếu trang thiết bị; phòng truyền thống, phòng Đội Thiếu niên; Phòng Y tế trường học, Tư vấn học đường chưa được bố trí riêng biệt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện đúng lộ trình của chiến lược phát triển trường tiểu học, tham mưu cấp quản lý xây dựng thêm các phòng bộ môn, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ,... nâng tỷ lệ xây dựng các công trình kiên cố đạt 70% trở lên theo đúng quy định. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang bị đầy đủ đồ dùng thiết bị dạy học, giáo dục đảm bảo yêu cầu.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học

Mức 1: Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải;

b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố;

c) Thiết bị dạy học.

Mức 2:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 3:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy chữa cháy; hạ tầng CNTT, liên lạc và khu thu gom rác thải đảm bảo đúng quy định. [H3-3.3-03], [H3-3.3-04], [H3-3.3-05].

Khối phòng hành chính quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường, được trang bị vật dụng cơ bản để làm việc như: Bàn ghế, tủ, máy vi tính và các phương tiện làm việc

Nhà trường trang bị thiết bị dạy học đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. [H3-3.3-06], [H3-3.3-07], [H3-3.3-08], [H3-3.3-09].

Mức 2:

Các hạng mục công trình của nhà trường như: khối phòng hành chính quản trị, phòng học tập, phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, khu sân chơi, thể dục thể thao và hạ tầng kỹ thuật đảm bảo tỷ lệ kiên cố hóa, đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Văn phòng trường, phòng Hiệu trưởng, phòng Phó Hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên đảm bảo đủ diện tích, mật độ sử dụng theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. [H3-3.1-01]

Mức 3:

Hàng năm nhà trường đã cân đối ngân sách để mua sắm, đầu tư nâng cao cơ sở hạ tầng kỹ thuật cũng như các hạng mục công trình kiên cố phần đầu đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Điểm mạnh

Nhà trường trang bị đầy đủ hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp nước sạch, cấp điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hạ tầng CNTT, liên lạc, khu thu gom rác thải bảo đảm quy định hiện hành. Cuối mỗi năm học, nhà trường luôn tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng và có kế hoạch sửa chữa nâng cấp, bổ sung để phục vụ cho năm học tiếp theo.

3. Điểm yếu

Một số hạng mục công trình như hệ thống điện, thu gom rác... chưa được nâng cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục triển khai thực hiện chiến lược phát triển nhà trường, tham mưu các cấp quản lý đầu tư xây dựng nhằm nâng cao cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Khuôn viên nhà trường xanh, sạch, đẹp, an toàn; đảm bảo tổ chức tốt các hoạt động giáo dục; tỷ lệ phòng học đáp ứng 1 lớp/phòng; bàn ghế giáo viên, học sinh đúng, đủ theo quy định; khối phòng phục vụ học tập đáp ứng yêu cầu cơ bản; khu vệ sinh; khu để xe; hệ thống nước sạch đảm bảo; thiết bị đủ phục vụ nhu cầu dạy học, hàng năm được sửa chữa, bổ sung thư viện đủ điều kiện đạt chuẩn.

Độ che phủ bóng mát chưa đảm bảo; tỷ lệ các phòng học tập kiên cố đạt 54,5% (trong khi yêu cầu trường chuẩn quốc gia mức độ 1 tỷ lệ các công trình kiên cố không dưới 70%). Các bộ môn Tin học, Nghệ thuật, Ngoại ngữ có phòng học còn thiếu trang thiết bị; phòng truyền thống, phòng Đội Thiếu niên; Phòng Y tế trường học, Tư vấn học đường chưa được bố trí riêng biệt; một số hạng mục tại khu vệ sinh xuống cấp, chưa được sửa chữa kịp thời; thiếu các thiết bị dạy học hiện đại.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
- Không đạt: 0/3 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 3/3 tiêu chí, đạt 100 %
- Đạt Mức 2: 3/3 tiêu chí, đạt 100 %
- Đạt Mức 3: 1/3 tiêu chí, đạt 33.4 % (Trong đó, 0/2 tiêu chí có mức 3 chiếm 0 %).

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường đã chủ động phối hợp với địa phương, Ban đại diện Cha mẹ học sinh và các tổ chức đoàn thể trong các hoạt động giáo dục và dạy học, huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, đầy đủ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ban đại diện Cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02] .

Ban đại diện Cha mẹ học sinh đã chủ động phối hợp với Ban giám hiệu nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học. [H4-4.1-03].

Ban đại diện Cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch đúng tiến độ. [H4-4.1-04], [H4-4.1-03].

Mức 2:

Ban đại diện Cha mẹ học sinh phối hợp hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp. [H4-4.1-03], [H4-4.1-04].

Mức 3:

Ban đại diện Cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. [H4-4.1-05]; [H4-4.1-04]

2. Điểm mạnh

Ban đại diện Cha mẹ học sinh luôn luôn phối hợp nhịp nhàng với nhà trường huy động đóng góp tu sửa, xây dựng cơ sở vật chất, giáo dục học sinh.

3. Điểm yếu

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì điểm mạnh của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

- a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

- a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;
- b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường. [H1-1.1-03] [H1-1.1-01] [H2-2.4-01].

Nhà trường triển khai hoạt động tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục. [H1-1.1-02], [H1-1.1-03].

Nhà trường có kế hoạch huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. [H1-1.6-07], [H1-1.6-06].

Mức 2:

Nhà trường chủ động tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. [H1-1.1-01], [H1-1.1-03].

Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương. [H4-4.2-02].

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. [H4-4.2-01], [H4-4.2-02], [H4-4.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện để nhà trường từng bước thực hiện chiến lược phát triển nhà trường; triển khai hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng; có kế hoạch huy động, sử dụng các nguồn lực hợp pháp; phối hợp với các tổ chức để giáo dục giá trị truyền thống, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

3. Điểm yếu

Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống chưa phong phú, đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường nghiên cứu, học hỏi các hình thức tổ chức giáo dục tại các đơn vị trong và ngoài địa phương để triển khai áp dụng phù hợp với tình hình của đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Ban đại diện cha mẹ học sinh được kiện toàn hàng năm, phối hợp hiệu quả với nhà trường trong dạy học và giáo dục học sinh; nhà trường chủ động tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong chiến lược phát triển nhà trường; xây dựng kế hoạch huy động hiệu quả các nguồn lực; phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể trong công tác giáo dục giá trị truyền thống, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Hình thức tổ chức trong một số hoạt động giáo dục chưa được phong phú, đa dạng.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/2 tiêu chí, chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 2/2 tiêu chí, đạt 100 %
 - Đạt Mức 2: 2/2 tiêu chí, đạt 100 %
 - Đạt Mức 3: 2/2 tiêu chí, đạt 100 % (Trong đó, 2/2 tiêu chí có mức 3, đạt 100 %)

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Hàng năm, nhà trường xây dựng thực hiện kế hoạch, chương trình và các hoạt động giáo dục đầy đủ, bám sát vào các văn bản hướng dẫn của các cấp quản lý, thực hiện kịp thời, đạt hiệu quả các nhiệm vụ giáo dục tiểu học trong năm học và các nhiệm vụ đột xuất. Chất lượng giáo dục và dạy học từng bước được nâng cao.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

a) Đảm bảo thực hiện đúng, đủ Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (Chương trình tiểu học) và các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục;

b) Đảm bảo đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, nhu cầu của học sinh và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, đảm bảo chất lượng, hiệu quả;

c) Giải trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; thực hiện đầy đủ và rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kế hoạch giáo dục nhà trường đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, đảm bảo các quy định về chuyên môn.[H1-1.1-03], [H5-5.1-01].

Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, nhu cầu của học sinh và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, đảm bảo chất lượng, hiệu quả. [H1-1.1-03].

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt. [H1-1.1-03].

Mức 2:

Kế hoạch nhiệm vụ năm học của nhà trường đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục [H1-1.1-03].

Kế hoạch nhiệm vụ năm học nhà trường được giáo viên và các bên liên quan thảo luận, góp ý kiến, niêm yết công khai để học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng biết và phối hợp, giám sát thực hiện. [H1-1.1-03], [H1-1.1-02], [H5-5.1-02]

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục đảm bảo theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện, được cấp có thẩm quyền phê duyệt; cập nhật kịp thời các quy định về chuyên môn; có sự tham gia của các bên liên quan.

3. Điểm yếu

Kế hoạch giáo dục nhà trường chưa thực sự được tất cả cha mẹ học sinh quan tâm nên việc phối hợp giáo dục giữa một số gia đình với nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tuyên truyền, giải thích nâng cao nhận thức để cha mẹ học sinh tích cực tham gia hoạt động giám sát và phối hợp với nhà trường thực hiện kế hoạch.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục. [H5-5.2-01].

Giáo viên vận dụng hợp lý các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. [H5-5.2-02].

Thực hiện đúng quy định đánh giá học sinh theo Thông tư 22/2016/ TT-BGDĐT, 27/2020/TT-BGDĐT: Đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ [H5-5.2-03], [H5-5.5-01].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. [H1-1.1-03].

Nhà trường có xây dựng và thực hiện kế hoạch phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. [H5-5.2-04], [H5-5.2-05].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường có rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh, tuy nhiên chưa có nhiều giải pháp đột phá trong việc tổ chức hoạt động hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các bộ môn theo quy định; giáo viên vận dụng hợp lý, linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức các hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu giáo dục, phù hợp đối tượng; đánh giá học sinh đúng hướng dẫn tại Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT; Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT xây dựng và thực hiện kế hoạch phụ đạo, bồi dưỡng học sinh.

3. Điểm yếu

Chưa có nhiều giải pháp đột phá trong việc tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục nghiên cứu, áp dụng các giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng đa dạng, hấp dẫn, góp phần nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

- a) Đảm bảo theo kế hoạch;
- b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;
- c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động vui chơi, thể dục thể thao, giao lưu văn hóa; bảo vệ môi trường; lao động công ích của nhà trường được thực hiện đầy đủ theo kế hoạch đã đề ra cho học sinh. [H5-5.3-01], [H5-5.3-02].

Nhà trường tổ chức các hoạt động với các hình thức: Tham quan, về nguồn, trang trí lồng đèn trung thu, kể chuyện,... phù hợp với điều kiện của nhà trường. [H5-5.3-01], [H5-5.3-02].

Các hoạt động đều đảm bảo tất cả học sinh được tham gia. [H5-5.3-01], [H5-5.3-02]

Mức 2:

Hình thức tổ chức đạt hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo [H5-5.3-01], [H5-5.3-02].

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động đảm bảo theo nhu cầu và năng lực sở trường của học sinh. [H5-5.3-01], [H5-5.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và triển khai các kế hoạch, hoạt động trải nghiệm đạt hiệu quả; nhiều hình thức phù hợp; đảm bảo tất cả học sinh đều được tham gia.

3. Điểm yếu

Nguồn kinh phí để tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp còn hạn hẹp. Một số học sinh tham gia các hoạt động chưa thật sôi nổi, tích cực. Phong trào chỉ diễn ra theo thời điểm, chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường xã hội hóa để tạo nguồn kinh phí tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm. Tổ chức động viên, khen thưởng kịp thời để các hoạt động luôn hấp dẫn, lôi cuốn học sinh tham gia.

Tiếp tục nghiên cứu, triển khai các nội dung, hình thức đảm bảo sự phân hóa theo nhu cầu và năng lực sở trường của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;
- c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường luôn hoàn thành nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công. [H2-2.4-01], [H5-5.4-02]

Hàng năm, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 trong địa bàn tuyển sinh của nhà trường luôn đạt trên 95%. [H2-2.4-01], [H5-5.4-02]

Nhà trường quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 03 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ [H2-2.4-01], [H5-5.4-02].

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 luôn đạt trên 95% [H2-2.4-01], [H5-5.4-02].

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 luôn đạt trên 95% [H2-2.4-01], [H5-5.4-02].

2. Điểm mạnh

Trong địa bàn tuyển sinh của trường, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 luôn đạt trên 95%.

3. Điểm yếu

Một số cha mẹ học sinh đi làm kinh tế xa, thường xuyên vắng nhà nên việc điều tra và phối hợp để nâng cao chất lượng giáo dục gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Bồi dưỡng kỹ năng làm phổ cập cho cán bộ, giáo viên; đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền và công tác xã hội hóa giáo dục, kêu gọi các tổ chức, cá nhân, Ban đại diện Cha mẹ học sinh tích cực tham gia hỗ trợ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, giúp các em vươn lên trong học tập. Tiếp tục phát huy điểm mạnh đã đạt được trong công tác phổ cập. Phần đầu công tác tuyển sinh của trường, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt từ 98% trở lên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 75%;
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành Chương trình tiểu học đạt ít nhất 70%;
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 90%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 85%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 75%.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành Chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học hằng năm luôn đạt trên 96% [H5-5.5-01], [H5-5.5-02].

Hàng năm, tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 90% trở lên [H5-5.5-01], [H5-5.5-02]

Hàng năm, tỷ lệ học sinh từ 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt 100% [H5-5.5-01], [H5-5.5-02].

Mức 2:

Hàng năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt trên 96% [H5-5.5-01]

Hàng năm, tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đều đạt 90% trở lên [H5-5.5-01].

Mức 3:

Hàng năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt 96% trở lên; trên 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường; [H5-5.5-01], [H5-5.5-02].

Hàng năm, tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đều đạt 90% trở lên [H5-5.5-01], [H5-5.5-02].

2. Điểm mạnh

Hàng năm tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 96% trở lên; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành Chương trình tiểu học đạt 90% trở lên; trẻ từ 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

3. Điểm yếu

Trong các năm học, một số ít học sinh nhận thức chậm nên có học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, một số em rèn luyện sau hè không chuyển biến và phải lưu ban.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì điểm mạnh, tổ chức các chuyên đề chia sẻ kinh nghiệm trong công tác hỗ trợ học sinh gặp khó khăn trong học tập. Đẩy mạnh tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cha mẹ học sinh; chỉ đạo giáo viên phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh trong công tác quản lý và giáo dục học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Kế hoạch giáo dục đảm bảo theo quy định, đạt mục tiêu giáo dục toàn diện; nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học theo quy định; giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật, quy trình dạy học phát huy năng lực, phẩm chất dạy học; xây dựng và triển khai hiệu quả các kế hoạch trải nghiệm, NGLL đảm bảo tất cả học sinh đều được tham gia; nhà trường luôn thực hiện tốt nhiệm vụ phổ cập giáo dục.

Chưa có nhiều giải pháp đột phá trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục; nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục chưa đảm bảo sự phân hóa theo nhu cầu và năng lực học sinh.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 5/5 tiêu chí, đạt 100 %
 - Đạt Mức 2: 5/5 tiêu chí, đạt 100 %
 - Đạt Mức 3: 2/5 tiêu chí, đạt 40 % (Trong đó, 1/4 tiêu chí có mức 3, đạt 25 %)

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

2. Điểm mạnh

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 3: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 4: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 6: Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 20%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 70% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt mức tốt.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 7: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 97%; tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

1. Mô tả hiện trạng**2. Điểm mạnh****3. Điểm yếu****4. Kế hoạch cải tiến chất lượng****5. Tự đánh giá:** Không đạt**Kết luận:**

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
 - Không đạt: 7/7 tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt: 0/7 tiêu chí chiếm 0 %

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/24 chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: (24/24) (24/24) tiêu chí, đạt 100 %
 - Đạt Mức 2: (24/24) (22/22) tiêu chí, đạt 100 %
 - Đạt Mức 3: (15/24) (7/16) tiêu chí, đạt 62.5 %
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
 - Không đạt: 7/7 tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt: 0/7 tiêu chí chiếm 0 %

Căn cứ Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường tiểu học Kim Đồng tự đánh giá đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

Thuận Hạnh, ngày 27 tháng 5 năm 2025

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Mạnh Hùng

Phần IV
PHỤ LỤC